

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HS-ST

Ngày 28/7/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Thẩm phán: Bà Vũ Thị Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh, ông Vũ Nguyên Đăng và bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Tr, sinh năm 1975, tại Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi sinh sống: Thôn H, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th và bà Bùi Thị A; có vợ là Đỗ Thị Đ và hai con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Tại Bản án số: 75/HS-PT ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xử phạt Tr 02 năm 03 tháng tù (*được trừ 09 ngày tạm giữ*) về tội Đánh bạc, tại Bản án số: 36/2017/HS-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt Tr 02 năm tù về tội Đánh bạc; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số: 09/HS-ST ngày 13/01/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Tr 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 21 tháng 20 ngày về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đã được xóa án tích, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 122 ngày 14/4/2009 của Phòng Cảnh sát ĐTTP và TTXH - Công an tỉnh Thái Bình xử phạt Tr 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 21/4/2009, Tr đã chấp hành xong quyết định xử phạt.

Bị bắt tạm giam từ ngày 03/12/2020 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải

Dương đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đình Q, sinh năm 1994, tại Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi sinh sống: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Th1 và bà Trần Thị Thanh B; tiền án: Tại Bản án số: 75/HS-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình xử phạt Q 02 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 20/01/2020, Q chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ **ngày 03/12/2020** tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

+ Ông Đoàn Văn H - Luật sư Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Khu dân cư T, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương; bào chữa cho bị cáo Tr; có mặt.

+ Ông Phạm Thế Đ - Luật sư Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Số 193 đường T, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; bào chữa cho bị cáo Q; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1945; địa chỉ: Số 17/60 C, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Đỗ Thị Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

+ Chị Lã Thị Th2, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn L, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Đào Viết Ch, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ, ngày 22/10/2020, bà Phạm Thị H1 nhận được các cuộc gọi (*không xác định được số thuê bao điện thoại*) vào máy điện thoại cố định số

02203.845.812 của bà H1 với nội dung: 01 người nói giọng phụ nữ, 02 người nói giọng đàn ông tự nhận là Lãnh đạo, cán bộ Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát đưa ra các thông tin về việc bà H1 có liên quan đến các vụ án hình sự rửa tiền, mua bán trái phép chất ma túy, yêu cầu bà H1 chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng Sacombank số 030072086283 mang tên Nguyễn Văn Tuấn (*Viết tắt là tài khoản Sacombank mang tên Tuấn*) để điều tra nếu không sẽ bắt giam bà H1. Bà H1 tin vào lời các đối tượng nên cùng ngày đã đến ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (*Vietinbank*) địa chỉ số 01 đường Hồng Quang, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, rút tiền trong sổ tiết kiệm và nộp 598.909.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Sacombank mang tên Tuấn. Đến ngày 23/10/2020, bà H1 biết mình bị lừa đảo chiếm đoạt số tiền 598.909.000 đồng nên có đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương. Ngày 25/11/2020 và ngày 02/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương triệu tập Lê Văn Tr, Nguyễn Đình Q đến làm việc, cả hai đã giao nộp các đồ vật, tài liệu dùng để thực hiện tội phạm và khai nhận hành vi cùng các đối tượng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 598.909.000 đồng của bà H1 như sau:

Lê Văn Tr đăng ký sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo tên đăng nhập “Trình Lê” kết bạn với tài khoản Zalo tên “Le Chinh” của một phụ nữ Tr khai là Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, trú tại: tổ 2, khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh (*là chị gái của vợ cũ Tr*). Khoảng tháng 9/2020, H sử dụng tài khoản Zalo tên “Le Chinh” gọi điện, nhắn tin đến tài khoản Zalo tên “Trình Lê” của Tr trao đổi về việc mở tài khoản ngân hàng để nhận, chuyển tiền chiếm đoạt của người dân bằng thủ đoạn mạo danh Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đe dọa, yêu cầu người dân nộp tiền vào tài khoản, với thỏa thuận sau khi thực hiện, Tr được chia 20%/tổng số tiền đã chiếm đoạt, **do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên** Tr đồng ý. Tài khoản Zalo tên “Le Chinh” của H gửi giới thiệu với Tr tài khoản Zalo có tên đăng nhập “Bonbondilonton” của một nam giới để Tr kết bạn, giao dịch và thực hiện thỏa thuận giữa H với Tr. Sau đó có người giới thiệu tên Phạm B (*chưa xác định được nhân thân lai lịch*) là chủ tài khoản Zalo tên đăng nhập “Bonbondilonton” kết bạn, gọi điện, nhắn tin đến tài khoản Zalo của Tr nói là bạn của H, người này hướng dẫn Tr cách thức mở tài khoản ngân hàng, nhận tiền, rút tiền và nộp tiền vào tài khoản của các đối tượng.

Để thực hiện thỏa thuận với H và B, Tr mua các sim điện thoại rác để mở tài khoản ngân hàng đăng ký dịch vụ chuyển tiền Internetbanking trên điện thoại di động. Tr thuê Nguyễn Đình Q và anh Đào Viết Đ, sinh năm 1990, trú tại thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình mở tài khoản ngân hàng. Theo hướng dẫn của B, Tr bảo Q, anh Đ đến các cửa hàng cầm đồ mua chứng minh nhân dân cũ (*viết tắt là CMND*), chụp ảnh chân dung (kích thước 3x4) để mở tài khoản ngân hàng.

Sau khi nhận số tiền 1.000.000 đồng do Tr đưa, Q và anh Đ đi xe mô tô đến cửa hàng cầm đồ ở đường Trần Thủ Độ, thành phố Thái Bình gặp một người phụ nữ tên D1 (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) mua được 03 CMND với giá 150.000 đồng mang về đưa cho Tr gồm: CMND số 163012483 mang tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/11/1991, trú tại: xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định (*viết tắt là CMND mang tên T*); CMND số 151846572 mang tên Đào Hải H1, sinh ngày 05/01/1991, trú tại: xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình (*viết tắt là CMND mang tên H1*); CMND số 151723910 mang tên Nguyễn Xuân D, sinh ngày 02/8/1988, trú tại: xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình (*viết tắt là CMND mang tên D*). Tr bóc ảnh trong CMND mang tên H1 và D rồi dán thay bằng ảnh của Q và anh Đ, còn CMND mang tên T có độ tuổi và khuôn mặt gần giống Q nên Tr giữ nguyên. **Trong thời gian từ 16/10/2020 đến 21/10/2020**, Tr cùng Q, anh Đ mang 03 CMND đến các chi nhánh của ngân hàng Sacombank, SHB, Vietinbank, MBbank...ở thành phố Hải Phòng; huyện Thái Thụy và thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để mở 11 tài khoản ngân hàng sau:

- Sử dụng CMND mang tên T mở 06 tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản ngân hàng Sacombank số 030072086283; Tài khoản ngân hàng SHB số 1017289237; Tài khoản ngân hàng Vietinbank số 107872304967; Tài khoản ngân hàng Agribank số 2106205312515; Tài khoản ngân hàng Đông Á số 0111335328; Tài khoản ngân hàng MBbank số 0630101991666.

- Sử dụng CMND mang tên H1 mở 03 tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản ngân hàng Agribank số 3408205322128; Tài khoản ngân hàng GPbank số 20310609; Tài khoản ngân hàng VPbank số 226012273.

- Sử dụng CMND mang tên D mở 02 tài khoản: Tài khoản ngân hàng SHB số 1017289402; Tài khoản ngân hàng MBbank số 3310102081988.

Sau khi mở được các tài khoản nêu trên, Tr nói rõ với Q mục đích dùng tài khoản ngân hàng mang tên T, D để nhận, rút tiền chiếm đoạt và thỏa thuận chia tiền cho Q sau khi xong việc. Tr, Q đã ghi chép vào 02 quyển sổ cá nhân, 01 tờ giấy các thông tin như: tên chủ tài khoản, tên ngân hàng, số tài khoản, số điện thoại đăng ký dịch vụ chuyển tiền Internetbanking, mật khẩu đăng nhập tài khoản trên điện thoại. Đối với anh Đ, sau đó phát sinh mâu thuẫn với Tr nên anh Đ yêu cầu Tr hủy các thẻ ATM, Tr đã đốt cháy thẻ ATM của ngân hàng MBbank số 3310102081988 mang tên Nguyễn Xuân D, đưa CMND mang tên D có dán ảnh của anh Đ để anh Đ cất bỏ, từ đó anh Đ và Tr không gặp gỡ, liên lạc với nhau.

Khoảng 08 giờ, ngày 22/10/2020, Tr, Q điều khiển xe mô tô đến thuê phòng 402 của nhà nghỉ Hoàng Ngân, địa chỉ: Số 4/428 đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Hải Phòng thì B gọi điện, nhắn tin đến Zalo của Tr bảo Tr gửi

số tài khoản ngân hàng để nhận tiền chiếm đoạt được. Tr sử dụng điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Note 5, lắp sim số 0963.215.869 nhắn tin thông qua ứng dụng Zalo cài đặt trong điện thoại thông tin của tài khoản ngân hàng Sacombank số 030072086283 mang tên T (*Viết tắt là tài khoản Sacombank mang tên T*) cho B và cùng với Q ở lại nhà nghỉ để chờ nhận tiền.

Đến hồi 16 giờ 04 phút cùng ngày, sau khi nhận được thông tin của B về việc đã chiếm đoạt được tiền của bà H1, Tr bảo Q kiểm tra điện thoại nhãn hiệu Nokia 106 màu đen lắp sim đăng ký Internetbanking số 0563.705.093 của tài khoản ngân hàng Sacombank mang tên T thì thấy tài khoản nhận được số tiền 598.909.000 đồng. Trong ngày 22/10/2020, Tr bảo Q sử dụng điện thoại Redmi 9 có cài đặt ứng dụng chuyển tiền Internetbanking chuyển 390.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Sacombank mang tên T đến 03 tài khoản ngân hàng Tr, Q đã lập, quản lý như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 22/10/2020, Q sử dụng dịch vụ chuyển tiền Inetnetbanking trên điện thoại di động chuyển 100.000.000 đồng từ tài khoản Sacombank mang tên T đến tài khoản ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) số 1017289402 mang tên Nguyễn Xuân D. Đến ngày 23/10/2020 Tr, Q đã thực hiện giao dịch rút tiền tại cây ATM hết số tiền 58.000.000 đồng, số tiền này do Tr giữ. Còn lại 42.000.000 đồng, Q đã sử dụng ứng dụng chuyển tiền Internetbanking chuyển hết vào tài khoản ngân hàng Quân Đội (MBbank) số 7570103955005 của Tr (*Viết tắt là tài khoản MBbank mang tên Tr*). Vào cùng ngày, Tr đã thực hiện rút tiền trực tiếp tại cây ATM hết số tiền 42.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 22/10/2020, Q sử dụng dịch vụ chuyển tiền Inetnetbanking trên điện thoại di động chuyển 100.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Sacombank mang tên T đến tài khoản ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) số 107872304967 mang tên Nguyễn Văn T (*Viết tắt là tài khoản Vietinbank mang tên T*). Ngày 23/10/2020, Tr, Q đã thực hiện rút tiền trực tiếp tại cây ATM hết số tiền 100.000.000 đồng, số tiền này do Tr giữ.

- Lần thứ ba: Ngày 22/10/2020, Q sử dụng dịch vụ chuyển tiền Inetnetbanking trên điện thoại di động chuyển 190.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng Sacombank mang tên T đến tài khoản ngân hàng TMCP Quân Đội (MBbank) số 0630101991666 mang tên Nguyễn Văn T (*Viết tắt là tài khoản MBbank mang tên Tuấn*). Cùng ngày, Tr bảo Q sử dụng ứng dụng chuyển tiền Internetbanking được cài đặt trên điện thoại di động thực hiện 02 lần chuyển hết số tiền là 190.000.000 đồng từ tài khoản MBbank mang tên T đến các tài khoản sau:

- + Lần thứ nhất: Ngày 22/10/2020, Q sử dụng dịch vụ chuyển tiền Inetnetbanking trên điện thoại di động chuyển 100.000.000 đồng từ tài khoản

MBbank mang tên T đến tài khoản MBbank mang tên Tr. Vào cùng ngày, Tr đã thực hiện rút tiền trực tiếp tại cây ATM hết số tiền 100.000.000 đồng.

+ Lần thứ hai: Ngày 22/10/2020, Q sử dụng dịch vụ chuyển tiền Inetnetbanking trên điện thoại di động chuyển 90.000.000 đồng từ tài khoản MBbank mang tên T đến tài khoản ngân hàng TMCP Quân Đội (MBbank) số 7570101908007 của bạn Tr là chị Lã Thị Th2, sinh năm 1982, trú tại: thôn L, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình (*Viết tắt là tài khoản MBbank mang tên Th2*) nhờ chị Th2 rút hộ tiền. Ngày 23/10/2020, chị Th2 đã ra cây ATM rút số tiền 70.000.000 đồng đưa cho Tr, còn lại 20.000.000 đồng trong tài khoản không rút được do hết hạn mức rút tiền, Tr bảo chị Th2 chuyển khoản đến tài khoản của vợ Tr là chị Đỗ Thị Đ, sinh năm 1983, chị Th2 đồng ý và đã sử dụng ứng dụng chuyển tiền Internetbanking được cài đặt trên điện thoại di động chuyển 20.000.000 đồng đến tài khoản TMCP Quân Đội (MBbank) số 2140165584463 của chị Đ (*Viết tắt là tài khoản MBbank mang tên Đ*), chị Đ đã rút 20.000.000 đồng đưa cho Tr. Số tiền còn lại có trong tài khoản Sacombank tên T là 208.996.500 đồng đã bị ngân hàng Sacombank phong tỏa tài khoản nên không thực hiện được giao dịch rút, chuyển tiền.

Sau khi chiếm đoạt được 390.000.000 đồng của bà H1, Tr nộp 312.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng do B cung cấp (*Tr không nhớ số tài khoản đã nộp tiền*). Số tiền còn lại là 78.000.000 đồng, Tr cho Q 2.000.000 triệu đồng, giữ lại 76.000.000 đồng, cả hai đã sử dụng chi tiêu cá nhân.

Sau khi Tr, Q thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bà H1, ngày 26/10/2020, anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1999, trú tại: xóm Vùng, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ (*là cháu ruột của chị Đức vợ Tr*) đến nhà Tr tìm việc làm và tham gia vào việc mở tài khoản ngân hàng, nhận, rút và chuyển tiền cùng với Tr, Q.

Tại Kết luận giám định số: 24/KLGD ngày 29/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương, kết luận:

- Trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) trừ phần chữ viết:

+ “nguyen van tuan 91” tại trang số 4.

+ Tại các trang số 13,14,15.

Các phần chữ viết còn lại; chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2); Chữ viết tại các dòng được đánh số dòng bằng mực màu đỏ gồm các dòng: 12,13,14 trang số 2; dòng 19, 20 trang số 3 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) với chữ viết mang tên Nguyễn Đình Q trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

- Trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) trừ phần chữ viết ở các dòng được đánh số dòng bằng mực màu đỏ:

+ Tại các dòng: 12,13,14 trang số 2.

+ Tại các dòng: 19, 20 trang số 3.

Các phần chữ viết còn lại và chữ viết tại các trang: 13, 14, 15 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ viết đứng tên Nguyễn Ngọc D trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ “nguyen van tuan 91” tại trang số 4 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ viết lần lượt mang tên Nguyễn Đình Q, Nguyễn Ngọc D, Lê Văn Tr trên các tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người viết ra hay không.

- Chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1-A3) với chữ viết mang tên Lê Văn Tr tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người viết ra.

Ngày 20/4/2021, Cơ quan CSĐT Quyết định trưng cầu giám định số 43 đối với 04 CMND đã thu giữ. Tại Công văn số 25/CV-PC09 ngày 23/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương từ chối giám định với lý do: Cơ quan CSĐT không thu được tài liệu mẫu so sánh.

Quá Tr điều tra, các bị cáo Lê Văn Tr, Nguyễn Đình Q khai nhận hành vi như nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 38/CT-VKS-P1 ngày 28/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Lê Văn Tr, Nguyễn Đình Q về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Văn Tr, Nguyễn Đình Q khai thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Người bào chữa cho bị cáo Tr và Q nhất trí quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị các bị cáo Tr, Q có trách nhiệm trả lại đầy đủ số tiền đã chiếm đoạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Tr, Nguyễn Đình Q phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Tr từ 13 năm đến 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/12/2020. Xử phạt bị cáo Q từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/12/2020. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị hủy bỏ

Lệnh phong tỏa tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra, đề nghị về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá Tr điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, thông tin, tài liệu về lịch sử giao dịch các tài khoản ngân hàng do các bị cáo đã lập để nhận, chuyển tiền, vật chứng thu giữ, dữ liệu điện tử đã thu giữ trên điện thoại di động các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng tháng 9/2020, Lê Văn Tr đã thỏa thuận với chủ tài khoản mạng xã hội Zalo tên “Le Chinh” và “Bonbondilonton” (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) về nội dung: Các đối tượng giả mạo là cán bộ Cơ quan pháp luật đưa ra thông tin không đúng sự thật, đe dọa và yêu cầu người dân chuyển tiền vào tài khoản do Tr lập và quản lý để cùng chiếm đoạt. Tr rủ và thống nhất với Nguyễn Đình Q mở tài khoản ngân hàng bằng chứng minh nhân dân của người khác để nhận tiền. Ngày 22/10/2020, Tr, Q nhận được thông tin của chủ tài khoản Zalo “Bonbondilonton” về việc đã chiếm đoạt được số tiền 598.909.000 đồng của bà Phạm Thị H1 chuyển vào tài khoản ngân hàng Sacombank số 030072086283 mang tên Nguyễn Văn T do Tr, Q mở, quản lý và sử dụng. Trong thời gian từ ngày 22/10/2020 đến ngày 23/10/2020, Tr và Q đã rút, chuyển khoản được số tiền 390.000.000 đồng; theo Tr khai đã nộp 312.000.000 đồng đến tài khoản của các đối tượng trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà H1, Tr sử dụng 76.000.000 đồng, chia cho Q 2.000.000 đồng; còn lại số tiền 208.996.500 đồng trong tài khoản không rút được do bị ngân hàng phong tỏa tài khoản.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do vụ lợi, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Như vậy, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo Tr, Q đồng phạm về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong vụ án này, bị cáo Tr là người đề xuất, bị cáo Q tiếp nhận ý chí của Tr và cùng Tr trực tiếp tham gia mở các tài khoản ngân hàng bằng chứng minh nhân dân của

người khác để nhận tiền chiếm đoạt của bị hại nên Tr giữ vai trò thứ nhất, Q giữ vai trò thứ hai.

[5] Về nhân thân: Năm 2009, bị cáo Tr bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm và trật tự xã hội Công an tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc. Năm 2012, bị TAND thành phố T xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đã được xóa án tích.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá Tr điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Năm 2017, bị cáo Tr bị TAND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình và TAND tỉnh Thái Bình xử phạt về tội Đánh bạc, ngày 21/01/2020, bị cáo Tr chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Năm 2018, bị cáo Q bị TAND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ngày 20/01/2020, bị cáo Q chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Các bị cáo Tr, Q đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự thì thấy: Các bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đối tượng tác động của tội phạm là tài sản, hành vi phạm tội của các bị cáo không trực tiếp xâm phạm về quyền nhân thân của bị hại; nên các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên, mặc dù bị hại đã đủ 70 tuổi.

[8] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã giả danh cán bộ, cơ quan pháp luật để thực hiện tội phạm, thể hiện sự liều lĩnh và coi thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, cần phải xử phạt nghiêm và áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền thiệt hại chưa thu hồi được là 390.000.000 đồng nên các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại. Chia theo phần, bị cáo Tr phải có trách nhiệm bồi thường 70% là 273.000.000 đồng, bị cáo Q phải có trách nhiệm bồi thường 30% là 117.000.000 đồng.

[11] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số 29 ngày 02/11/2020 đối với số tiền 208.996.500 đồng của bà H1, do bị cáo Tr và Q lừa đảo chiếm đoạt của bà H1. Vì vậy, cần hủy bỏ Lệnh phong tỏa trên để trả lại số tiền trên cho bà H1. Cơ quan điều tra còn quản lý: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi của Tr. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs max; 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của Q. Các điện thoại trên là phương tiện các bị cáo Tr, Q sử dụng để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu, phát mại nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 01 thẻ ATM của ngân hàng MBbank số 9704222046846911 mang tên Lê Văn Tr; 01 thẻ ATM của ngân hàng MBbank số 4089051034385194 mang tên Nguyễn Văn T; 01 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank số 5174160002927300 mang tên Nguyễn Văn T là công cụ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; đối với các sim điện thoại số 0963.215.869; sim số 0563.705.074, sim số 0946.569.568; sim số 0918.810.042 và 01 bì thư niêm phong bên trong đựng sim điện thoại 0563.705.093 là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, cho tiêu hủy. Đối với 01 thẻ ATM của ngân hàng MBBank số 4089041014217665 mang tên Đỗ Thị Đ thuộc sở hữu của chị Đ, chị Đ không biết số tiền Tr chuyển đến tài khoản của mình là tiền do phạm tội mà có nên cần trả lại cho chị Đ. Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T; 02 quyển sổ, 01 tờ giấy ghi chép thông tin về các số tài khoản ngân hàng; 01 tờ giấy nộp tiền vào tài khoản; các phong bì thư đựng đĩa DVD lưu trữ dữ liệu điện tử ghi âm lời khai của Tr, Q là các vật chứng có giá trị chứng minh tội phạm, cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[12] Đối với chủ tài khoản Zalo tên “Le Chinh” theo Tr khai là Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, trú tại: tổ 2, khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh là chị vợ cũ của Tr. Kết quả điều tra xác định Nguyễn Thị H hiện đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ công an truy nã về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; chủ tài khoản Zalo: “Bonbondilonton” theo Tr khai là Phạm B nhưng không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra không lấy được lời khai của H và B. Ngoài lời khai của Tr không có chứng cứ chứng minh H và B đã cùng Tr, Q thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 598.909.000 đồng của bà H1 nên chưa đủ căn cứ để xử lý đối với H và B trong vụ án này.

[13] Quá trình điều tra, Tr và Q còn khai đã cùng anh D và các đối tượng khác thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người nhưng không xác định được bị hại là ai, ở đâu. Đối với hành vi của Tr, Q, anh Đ mua chứng minh nhân dân của người khác rồi bóc ảnh nguyên thủy dán thay bằng ảnh của Q và anh Đ để mở tài khoản ngân hàng, do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương từ chối giám định với lý do chưa thu thập được phôi CMND gốc để so sánh nên chưa đủ căn cứ xử lý các bị cáo Tr, Q và anh Đ về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự. Ngày 14/5/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Hải Dương đã ra quyết định phân công thụ lý giải quyết nguồn tin tội phạm đối với hành vi nêu trên của các đối tượng để kiểm tra, xác minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[14] Đối với chị Đỗ Thị Đ, chị Lã Thị Th2 không biết số tiền Tr chuyển đến tài khoản của mình là tiền do phạm tội mà có nên không đồng phạm với Tr, Q về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản hoặc tội Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[15] Về án phí: Các bị cáo Lê Văn Tr, Nguyễn Đình Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 288, 357, 584, 587 và 589 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Tr, Nguyễn Đình Q phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Xử phạt bị cáo Lê Văn Tr 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/12/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Q 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/12/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lê Văn Tr và Nguyễn Đình Q có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Phạm Thị H1 số tiền 390.000.000 đồng. Chia theo phần, bị cáo Tr phải bồi thường số tiền 273.000.000 đồng; bị cáo Q phải bồi thường số tiền 117.000.000 đồng

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng:

- Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 29 ngày 02/11/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hải Dương. Trả lại cho bà H1 số tiền 208.909.000 đồng trong tài khoản sau khi được hủy bỏ phong tỏa tài khoản.

- Tịch thu, phát mại nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs max; 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung.

- Tịch thu, cho tiêu hủy: 01 thẻ ATM của ngân hàng MBbank số 9704222046846911 mang tên Lê Văn Tr; 01 thẻ ATM của ngân hàng MBbank số 4089051034385194 mang tên Nguyễn Văn T; 01 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank số 5174160002927300 mang tên Nguyễn Văn T; 05 sim điện thoại.

- Trả lại cho chị Đỗ Thị Đ 01 thẻ ATM của ngân hàng MBBank số 4089041014217665 mang tên Đỗ Thị Đ.

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T; 02 quyển sổ, 01 tờ giấy ghi chép thông tin về các số tài khoản ngân hàng; 01 tờ giấy nộp tiền vào tài khoản; các phong bì thư đựng đĩa DVD lưu trữ dữ liệu điện tử ghi âm lời khai của Tr Q.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hải Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 11/6/2021).

5. Về án phí: Các bị cáo Lê Văn Tr, Nguyễn Đình Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Tr phải nộp 13.650.000 đồng, bị cáo Q phải nộp 5.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT, CQTHAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn

